

GIÁO TRÌNH LỊCH SỬ NHẬT BẢN

Biên soạn: Nguyễn Nam Trân



Nhật Bản nhìn từ vệ tinh (2003, nguồn Wikipedia)

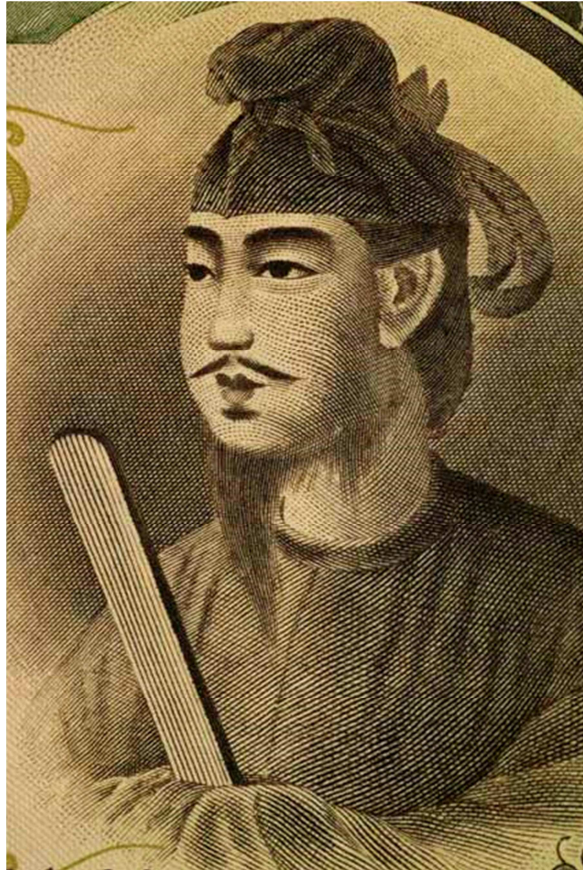
Quyển Thượng

Từ thượng cổ đến cuối Mạc phủ Edo (1867)

**Bản Thảo
-2013-**

GIÁO TRÌNH LỊCH SỬ NHẬT BẢN

Biên soạn: Nguyễn Nam Trân



Thái tử Nhiếp chính Shōtoku, cha đẻ nhà nước Nhật Bản

Phần Một

Từ thượng cổ đến Nam Bắc Triều (1336)

Ngỏ

Quyển Giáo Trình Lịch Sử Nhật Bản này nhắm đối tượng là các bạn sinh viên trẻ và những ai - như bản thân người biên soạn - tuy không chuyên về sử nhưng muốn tự tìm hiểu nó để có chút kiến thức dùng trong công việc của mình. Sách gồm 2 quyển thượng hạ, 4 phần từ 1 đến 4, và sẽ được trình bày theo thứ tự như sau:

Quyển Thượng:

Phần I : Từ thượng cổ đến Nam Bắc Triều (1336)

Phần II: Mạc phủ Muromachi và Mạc phủ Edo (1867)

Quyển Hạ:

Phần III: Mở cửa và Duy Tân. Thời Meiji (1868-1912).

Phần IV: Thời Taishô (1912) cho đến hiện tại.

Nói chung, sách có 5 đặc điểm như sau:

- 1) Dựa trên giáo khoa thư được dùng trong các trường cơ sở Nhật Bản.
- 2) Có đối chiếu tư liệu Đông Tây để nâng thêm tính khách quan.
- 3) Sử dụng nhiều hình ảnh, đồ biểu, bảng chú và cước chú để giải thích rõ ràng.
- 4) Viết theo quan điểm sinh hoạt sử, nặng về văn hóa xã hội hơn chính trị.
- 5) Ở những mốc quan trọng, định vị trí lịch sử Nhật Bản trong dòng lịch sử thế giới.

Là người muốn tìm hiểu văn hoá Nhật Bản thông qua văn học (xin xem Lời nói đầu trong Tổng Quan Lịch Sử Văn Học Nhật Bản, NXB Giáo Dục, Hà Nội, 2011), đôi khi vấp phải sự khó khăn trong việc thương ngoạn một tác phẩm văn học yêu thích vì không định được vị trí của nó trong dòng lịch sử.

Đến khi có chút hiểu biết về lịch sử Nhật Bản, lúc đọc Shiramine (Định oán hờn) của Ueda Akinari chẳng hạn, qua tình tiết chung quanh việc tranh chấp ngai vàng của Thiên hoàng Suutoku (Sùng Đức), người biên soạn cảm thấy thích thú hơn với tác phẩm. Còn khi đọc Sanshō Daiyū (Truyện do Sanshō Dayū kể lại) của Mori Ōgai, nhờ rõ về nguồn gốc và tổ chức chế độ trang viên thái ấp thời trung cổ, đã có thể sống lại bầu không khí trong câu chuyện. Bèn suy ra rằng mình sẽ không thể nào đánh giá đúng đắn Mishima Yukio và đoản thiên Yuukoku (Thương nước) của ông nếu không hiểu gì về nguyên nhân và diễn tiến cuộc đảo chánh đẫm máu Niniroku (26/02/1936), biến cố

chính trị đã thay đổi vận mệnh Nhật Bản.

Thiên nghi, cũng cùng một thể ấy, quyển GTLSNB này cũng có thể giúp các bạn theo những ngành khoa học nhân văn khác như kinh tế, chính trị, xã hội, giáo dục, mỹ thuật, pháp luật ... định được vị trí môn học của mình trong dòng lịch sử Nhật Bản.

Sách lại mang tên là giáo trình. Thế nhưng kỳ thực, người biên soạn không hề có mục đích biến quyển sách thành một công cụ giáo dục ở một trường lớp nào. Sách chỉ được viết ra với tinh thần giáo trình nghĩa là trình bày vấn đề theo lớp lang trước sau, với một giọng văn thoải mái như văn nói. Mỗi khi đứng trước một khái niệm hơi khó hiểu thì dừng lại giải thích dài giòng, vui vui, như đến giờ giải lao (coffee break). Cũng nên để ý rằng người biên soạn đã vay mượn với lòng biết ơn dàn bài và một lượng thông tin đồ sộ từ bộ sử bốn quyển Navigator Nihonshi B (Hướng dẫn học lịch sử Nhật Bản) của nhà xuất bản Yamakawa (Tôkyô), một giáo trình dành cho học sinh cấp 3 ôn tập khi luyện thi vào đại học.

Giáo trình là một cách gọi tên kèm theo một trách nhiệm nặng nề. Những nhà viết sử đứng đắn nhất cũng không thể cho là mình nắm hết toàn bộ vấn đề nếu không chỉ là một anh mù xem voi. Huống chi, có quyển gọi là chính sử nào mà chẳng có một phần dã sử. Tuy nhiên, một giáo khoa thư cho bậc trung học như Navigator Nihonshi B vừa nhắc đến bên trên, dù là sách của người Nhật viết cho nhau đọc, nội dung không thiếu những chỗ khéo léo tự biện hộ hay phớt lờ, vẫn là một văn kiện đã được đông đảo độc giả phê phán, chỉnh lý để đạt đến một sự đồng thuận nào đó. Có thể bảo nó đã đạt đến một mức độ dung nhận được. Biết rằng vấn đề “giáo khoa thư ngành sử Nhật Bản” hãy còn là điểm nóng ở các nước Á châu, nhưng phải chăng, để giải quyết những điểm bất đồng do tự ái dân tộc, các học giả và các nhà giáo dục từ những nước can hệ cần ngồi lại với nhau để mở xẻ, thảo luận trong tinh thần khoa học thay vì để cho tình cảm cá nhân lôi cuốn.

Trước khi vào phần chính văn, xin có lời cảm ơn chân thành đến các tác giả mà người biên soạn đã vay mượn tư liệu, các tiền bối và thân hữu với kiến thức sâu rộng và lòng bao dung đã giúp người biên soạn - vốn ý thức đang làm một việc quá sức mình - những ý kiến quý báu để quyển sách bớt đi những lỗi lầm cho dù việc cải thiện nó vẫn còn phải tiếp tục lâu dài.

Tôkyô 13/10/2013

Nguyễn Nam Trân

Chương Mở Đầu

Khái quát về địa lý hình thể Nhật Bản

Để tiện bề theo dõi tiến trình lịch sử Nhật Bản, chúng ta cần biết qua một số thông tin cơ bản về địa lý hình thể của nước này.

1- Hoàn cảnh thiên nhiên.

Nhật Bản là một quốc gia hải dương nằm ở cực đông đại lục Âu Á (Eurasia), gồm 4 đảo lớn và khoảng 4.000 đảo nhỏ. Bốn hòn đảo lớn chạy dài từ bắc xuống nam ấy có tên là Hokkaidô (Bắc Hải Đạo), Honshuu (Bản Châu), Shikoku (Tứ Quốc) và Kyushuu (Cửu Châu).

Nhật Bản nhiều núi non. Có đến 73% diện tích là đất núi. Vì thế, sông ngòi ở Nhật tương đối ngắn và nước xiết, nhiều ghềnh thác. Nước Nhật lại nhiều mưa nên sức xâm thực của nó đã tạo nên những vạt đất hình chữ V nằm sâu trong hốc núi. Ở những hẻm núi chia ra thung lũng và đồng bằng, có nhiều dải đất hình cánh quạt. Vùng phụ cận các cửa sông, đất tích tụ thành lớp dày tạo ra những cánh đồng. Từ miền trung (Chuubu) cho đến vùng đông bắc (Tôhoku), bên triền sông thường có nhiều gò đồi.

Phía đông, Nhật Bản hướng ra Thái Bình Dương bao la (thế nhưng chùm đảo Ogasawara của họ thì nhìn thẳng biển Phi Luật Tân). Phía bắc đông là biển Okhotsk. Phía tây và nam, Nhật Bản đối diện với biển Nhật Bản và biển Nam Trung Hoa. Hai đảo Honshuu và Shikoku ngăn cách bởi biển nội địa Seto (Seto naikai). Nhật Bản có nhiều luồng hải lưu (kairyuu) bao bọc. Một luồng nước lạnh có tên Oyashio (Thân triều) – còn gọi là Chishima kairyuu - từ biển Bering miền bắc qua quần đảo Chishima chảy xuống ngoài khơi các vùng Sanriku (từ Aomori đến Miyagi) và Jôban (tức Hitachi và Iwaki). Một luồng nước ấm phía nam tên là Kuroshio (Hắc triều)¹ – còn gọi là Nihon kairyuu – có màu xanh thẫm hầu như đen, từ quần đảo Phi luật tân chảy lên đến mũi Inubôtsaki (ngoài khơi Chiba) trước khi quạt ra Thái Bình Dương. Một phân nhánh của nó sẽ vòng sang eo biển Tsushima phía Hàn Quốc nên có tên là Tsushima kairyuu.

¹ Đó là một luồng nước rộng ước 100km, chảy với tốc độ 1,5m mỗi giây đồng hồ.

Về khí hậu, vì có một vùng núi non chạy dài như sống lưng trên toàn quốc nên khí hậu phía biển Nhật Bản và Thái Bình Dương khá khác nhau. Phía biển Nhật Bản có gió mùa tây bắc nên mùa đông lạnh lẽo và nhiều tuyết. Phía Thái Bình Dương thường thường nắng ráo. Vùng cao nguyên của Hokkaidô và Honshuu thuộc khu vực khí hậu á hàn đới, các đảo phía nam thuộc nhiệt đới. Phần lớn các vùng khác đều có khí hậu ôn đới nhưng nói chung, nhiệt độ khá chênh lệch giữa miền bắc và miền nam.

Nhiệt độ thay đổi dần từ nam lên phía bắc từ đông sang xuân, xuân sang hạ. Sau một thời kỳ mưa dầm (naga.ame) còn gọi là tsuyu (hay bai.u, mai vũ, vì mưa vào tháng quả mơ chín) khoảng tháng 5, tháng 6, trời tạnh ra và nhiệt độ lên cao, Nhật Bản bước vào mùa hè ẩm thấp, có khi đến 70% độ ẩm. Cuối tháng 8, hơi nóng còn sót lại nhưng sau đó Nhật Bản bước vào mùa thu với nhiều cơn bão từ biển phía Nam (Đài Loan, Okinawa) thổi lên.

Vị trí

Nhật Bản có hình thù như một cánh cung, nằm giữa vĩ tuyến 30 đến 45 bắc bán cầu, kinh tuyến 123-146 đông. Cực bắc là thành phố Wakkanai thuộc Hokkaidô, chưa kể 4 đảo thuộc chùm đảo Chishima vẫn do người Nga chiếm đóng từ khi Nhật bại trận thì còn nằm ở bên trên nữa. Cực nam là đảo Okinotorishima thuộc quần đảo Ogasawara. Cực tây là đảo Yonagunijima tỉnh Okinawa và cực đông là đảo Minamitorishima, một hòn đảo lơ lửng giữa Thái Bình Dương. Tuy ngăn cách bởi biển nhưng có thể xem như Nhật tiếp giáp Nga ở phía bắc, Bắc Triều Tiên và Hàn Quốc phía tây, quần đảo Bắc Mariana thuộc Mỹ phía đông và đảo Đài Loan ở phía nam.

Diện tích

Lãnh thổ rộng 377. 929,99 km², bờ biển dài 3.300 km, bao quanh là 33.889 km. Gồm 6.858 đảo lớn hơn 100 km, trong đó 430 không người ở. Diện tích đứng hàng 62 trên thế giới, hẹp thua tiểu bang Montana (Mỹ) hay nước Na Uy, hơi rộng hơn Mã Lai và Việt Nam một chút.

Dân số

Theo thống kê năm 2000, toàn thể dân số có 126.925.843 người, trong đó 62.110.764 nam và 64.815.079 nữ. Khoảng 50% sống trên 14% diện tích, đặc biệt trong 3 thành phố

lớn nhìn ra Thái Bình Dương: Tôkyô, Ôsaka và Nagoya.

Địa thế

Vì lắm núi, dân chúng thường tụ tập ở các giải đồng bằng hẹp. Từ năm 1970 đã có kế hoạch phân tán cho hợp lý nhưng chưa có thể thực hiện.

Sông dài nhất là Shinanogawa (367km), lưu vực sông lớn nhất là lưu vực sông Tonegawa (16.829km²), hồ rộng nhất là hồ Biwa (670,33km²), hồ sâu nhất là Tazawako (-423,0m). Núi cao nhất là Fujisan (3.776m). Vực sâu nhất -10.535m nằm ở phía đông quần đảo Kurils, mang tên Tuscarora, chiếc tàu Mỹ dùng cho hải dương học đã khám phá ra nó năm 1874.

Rừng chiếm 66,4% diện tích, đất canh nông 13,2%, đất xây cất 4,7%, đường sá 3,3%, mặt nước 3,5% và các mặt bằng khác 8,9% (thống kê 1999).

Thảo mộc ở Nhật phong phú. Trong khi ở Âu châu có chừng 85 họ cây thì Nhật Bản có đến 168. Các loại thực vật nói chung lên đến 2.700 loại, cũng nhờ địa hình trải dài và lượng mưa nhiều.

Về động vật, Nhật có đến 36.500 loại động vật trong đó có những loại có vú, chim chóc, bò sát, cá và côn trùng. Reeu có khoảng 1000 loại. Còn biển có khoảng 5.500 loại rong.

Nguồn lợi thiên nhiên

Phần lớn là khoáng sản nhưng đá vôi, khí đốt thiên nhiên và dầu khí đều phải nhập. Xưa kia, có nhiều mỏ vàng, bạc và đồng. Marco Polo đã từng ca tụng Nhật như “quốc gia hoàng kim Jipangu”. Đời Edo cho đến Meiji có xuất khẩu một số quý kim đáng kể. Dưới đáy biển hiện có khí đốt thiên nhiên và kim loại hiếm chưa khai thác.

Khí hậu

Bốn đặc tính:

- 1) Vì là một quần đảo nên mưa nhiều (1.000mm/ năm) nhiều khi đến 2.000mm/năm như ở vùng ven biển và có khi lên đến 4.000mm/ năm như ở các đảo ngoài khơi.
- 2) Hình thể kéo dài từ bắc xuống nam nên có các vùng khí hậu khác nhau. Bình quân nhiệt độ miền bắc (Sapporo) là 9 độ C, trung (Tôkyô) là 16 độ C, nam (Naha) là 22 độ.
- 3) Có núi cắt làm đôi nên khí hậu phía biển Nhật Bản trái ngược với khí hậu phía Thái Bình Dương.
- 4) Vì vị trí nằm ở trung vĩ tuyến phía đông nên cũng chịu ảnh hưởng của gió mùa.

Hoàn cảnh thiên nhiên

Nằm một lượt gần nhiều đường nứt của vỏ địa cầu nên có nhiều ngọn núi lửa đang thời kỳ hoạt động, chịu động đất mạnh và thường xuyên, đôi khi có hiểm họa sóng thần. Từ 684 đến 2011, Nhật Bản đã bị rất nhiều trận động đất với Magnitude (chỉ tiêu trị số năng lượng gây ra địa chấn) từ M 8 đến M 9 và những đợt sóng thần lớn. Có đến 20% những cuộc động đất cường độ M 6 của thế giới đã xảy ra trên lãnh thổ Nhật Bản. Cũng nhờ địa hình như thế mà có nhiều suối nước nóng nhưng lại chịu nạn đất sụt đá lở thường xuyên. Trận động đất năm 1923 ở vùng Tôkyô tuy không có cường độ cao nhất (cỡ M 8 thôi) lại gây thiệt hại nhiều hơn cả (140 nghìn người chết) vì nhà đổ và hỏa tai. Trận động đất ngày 11 tháng 3 năm 2011 với độ M 9 chưa từng thấy vào thời hiện đại, sóng thần cao trên 12 m làm chết và mất tích trên 20.000 người và tạo ra sự cố rò rỉ lò hạt nhân phát điện là nguy hiểm nhất.

Từ tháng 6 đến tháng 10, khí áp xuống thấp, đó là mùa bão tố. Những cơn bão thổi từ vùng biển Đài Loan lên phía bắc, gần đây có khuynh hướng “đổ bộ” lên quần đảo thay vì ra ngoài khơi như trước. Do nhiều mưa bão, thường xảy ra lụt lội vào hè và thu. Phía biển Nhật Bản lắm khi có tuyết lớn, gây nhiều tai hại về người và của, gây khó khăn cho việc đi lại.

Trong những năm gần đây, do công nghiệp hóa, còn thêm vấn đề ô nhiễm môi trường sinh thái.

2- Các đảo, vùng miền và đặc trưng địa lý:

Bốn đảo lớn nhất chiếm 95% diện tích và chạy dài từ bắc xuống nam, phân phối như sau:

Hokkaidô

Diện tích 77.981,87km². Đảo lớn thứ 2 trong 4 đảo chính nhưng chỉ bằng 1/3 Honshuu. Các tỉnh lớn: Sapporo (1,9 triệu dân), Asahigawa, Hakodate, Kushiro, Tomakomai, Otaru, Ebetsu...

Honshuu

Hòn đảo lớn nhất với diện tích 227.942,83 km². Hòn đảo lớn thứ 7 trên thế giới. Chia thành các vùng Tôhoku (Đông bắc), Kantô (Quan đông), Chuubu (Trung bộ), Kinki (Cận kỳ) Chuugoku (Trung Quốc). Các thành phố lớn: Sendai (1 triệu), Tôkyo (12,7 triệu), Yokohama (3,6 triệu), Kawasaki (1,3 triệu), Saitama (1,2 triệu), Nagoya (2, 2 triệu), Kyôto (1,5 triệu), Ôsaka (2,6 triệu), Kobe 1,5 (triệu), Hiroshima (1,1 triệu)...

Shikoku

Về diện tích, nhỏ nhất trong 4 đảo chính với 18.297,74km², chỉ bằng 1/2 Kyuushuu. Vì xưa kia bao gồm bốn địa phương (tiểu quốc) nên gọi là Shikoku (Tứ quốc). Các thành phố lớn: Matsuyama, Takamatsu, Kôchi, Tokushima...

Kyuushuu

Đứng hàng thứ 3 về diện tích trong 4 đảo chính: 36.731,56km², cỡ 1/2 Hokkaidô. Các thành phố lớn: Fukuoka (1,4 triệu), Kita-kyuushuu, Kumamoto, Kagoshima, Miyazaki, Beppu, Nagasaki...

Các đảo phụ thuộc

1 Gồm chòm đảo Tây Nam thuộc hai tỉnh Okinawa và Kagoshima, các chòm đảo Okuma, Tokara rettô, Amamishima, Sakishima...Naha, thủ phủ của Okinawa, nằm cách đảo Kyuushuu 600km về phía nam.

Quyền sở hữu vùng đảo Senkaku (Tiêm các) gần Đài Loan của họ hãy còn bị Trung Quốc và Đài Loan (gọi là Điều ngư đài) tranh chấp. Đảo Takeshima trong quần đảo Oki ở phía tây đang tranh chấp với Hàn Quốc (Dokudo, Độc đảo) dù nước ấy đã đặt hệ thống cai trị trên đó.

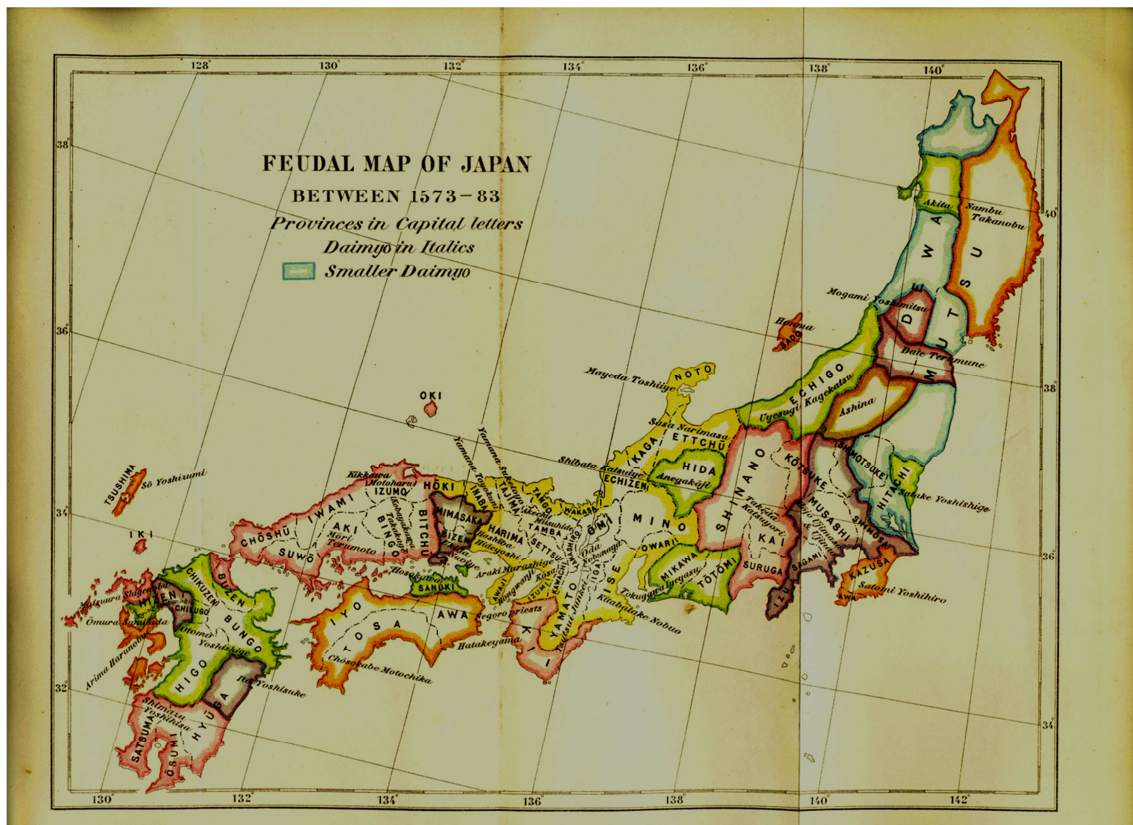
2 Chòm đảo Đông Nam tức 2 nhóm Izu và Ogasawara, kéo đến Iô jima ở phía nam.

3 Chòm đảo 4 đảo phương bắc (Habomai, Shikotan, Kunashiri, Etorofu) gọi là Hoppô ryôdo (Bắc phương lãnh thổ), đang đòi lại Nga.

Thành phố lớn: Okinawa, Naha ở trên chòm đảo Tây Nam.

3- Biến đổi của địa danh qua các thời đại.

Ngoại trừ Hokkaidô (Bắc Hải Đạo) là đất mới được đặt tên từ năm 1.869 (Meiji 2), tất cả các vùng khác trên nước Nhật đều có địa danh cổ, thay đổi qua các đời. Kiến thức này rất cần thiết để đọc sử. Nhân đây cũng nói thêm rằng Hokkaidô là đất cũ của người Ezo (Hà Di). Dân Nhật mới lên đây khai khẩn từ đời Muromachi (1392-1573) mà thôi. Đến đời Edo, Shôgun Tokugawa đặt nó nằm dưới quyền quản hạt của lãnh chúa phiên Matsumae (Tùng Tiên), lãnh địa duy nhất ở phía nam đảo ấy.



Bản đồ Nhật Bản thời phong kiến (khoảng 1573-83)

Trong bản trình bày dưới đây, khi nói Thời Edo, xin hiểu là cột đó ghi tên các tiểu quốc cho đến thời Edo. Thời Meiji có nghĩa là lúc thực hiện việc cải tổ hành chính, bãi bỏ phiên trấn của chế độ phong kiến để lập huyện tỉnh (haihanchiken = phé phiên trí huyện, 1871) tập trung vào vương quyền.

Đông Sơn đạo (Tôsandô) – gồm Tôhoku và khu vực trung ương vùng Kantô.

Trước đó	Thời Edo	Thời Meiji	Hiện tại
Mutsu	Mutsu	Aomori	Aomori
Mutsu	Rikuchuu	Morioka (Akita)	Iwate (Akita)
Mutsu	Rikuzen	Mizusawa Sendai	Miyagi
Mutsu	Iwaki	Iwasaki	Fukushima
Mutsu	Iwashiro	Fukushima Wakamatsu	Fukushima
Dewa	Ugo	Akita	Akita
Dewa	Uzen	Sakata Okitama	Yamagata
Shimotsuke	Shimotsuke	Utsunomiya Tochigi	Tochigi
Kôzuke	Kôzuke	Tochigi Gunma	Gunma
Shinano	Shinano	Nagano Chikuma	Nagano
Hida	Hida	Chikuma	Gifu
Mino	Mino	Gifu	Gifu
Ômi	Ômi	Nagahama Ôtsu	Shiga

Bắc Lục đạo (Hokurikudô) – Honshuu phía nhìn ra biển Nhật Bản

	Thời Edo	Thời Meiji	Hiện tại
	Echigo	Wakamatsu (Niigata) Kashiwasaki	Niigata

	Sado	Aikawa	Niigata
	Etchyu	Niikawa	Toyama
	Noto	Nanao	Ishikawa
	Kaga	Kanazawa	Ishikawa
	Echizen	Asuwa	Fukui
	Wakasa	Tsuruga	Fukui

Đông Hải đạo (Tôkaidô) – Honshuu phía nhìn ra Thái Bình Dương

	Thời Edo	Thời Meiji	Hiện tại
	Awa Kazusa	Kisarazu	Chiba
		Inba	Chiba Ibaraki
	Hitachi	Niihari Ibaraki	Ibaraki
	Musashi	Saitama Irima Tôkyô	Saitama Tôkyô
	Sagami	Kanagawa	Kanagawa
	Izu	Ashigara	Shizuoka
	Suruga	Shizuoka	Shizuoka (Tôkyô)
	Tôtômi	Hamamatsu	Shizuoka (Tôkyô)
	Kai	Yamanashi	Yamanashi
	Mikawa	Nukata	Aichi
	Owari	Nagoya	Aichi
	Iga	Anotsu	Mie
	Ise	Anotsu Watarai	Mie
	Shima	Watarai	Mie

Kinki (Cận Kỳ) – San.indô (Sơn Âm đạo) – San.vôđô (Sơn Dương đạo)

Khu vực chung quanh Kyôto và Miền tây Nhật Bản

Khu vực	Thời Edo	Thời Meiji	Hiện tại
Kinki (chung quanh Kyôto)	Yamato	Nara	Nara
	Yamashiro	Kyôto	Kyôto
	Kawachi Izumi	Sakai	Ôsaka
	Setsu	Ôsaka	Ôsaka
	Setsu	Hyôgo	Hyôgo
San.indô (miền tây phía biển Nhật Bản)	Tajima Tanba Tango	Toyooka (Kyôto)	Hyôgo Kyôto
	Inaba Hôki	Tottori	Tottori
	Oki Izumo	Shimane	Shimane
	Iwami	Hamada	Shimane
San.yôdô (miền Tây phía biển nội địa Seto)	Harima	Shikama	(Hyôgo)
	Mimasaka Bizen Bichuu	Hôjô Okayama Fukazu	Okayama
	Bingo	Fukazu	Hiroshima
	Bingo Aki	Hiroshima	Hiroshima
	Suô Nagato	Yamaguchi	Yamaguchi

Tây Hải đạo (Saikaidô) và Nam Hải đạo (Nankaidô)

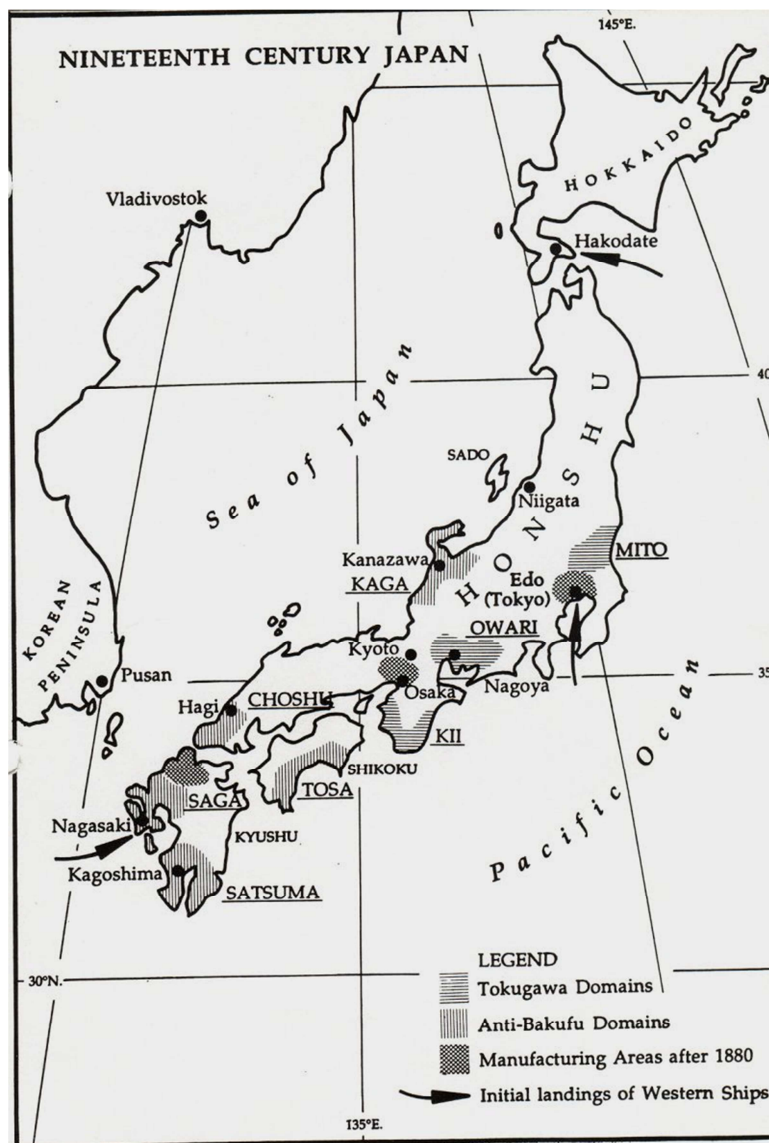
Đảo Kyushuu và đảo Shikoku

Khu vực	Thời Edo	Thời Meiji	Hiện tại
Saikaidô (Kyushuu)	Chikuzen Chikugo Buzen	Fukuoka Mizuma Kokura	Fukuoka
	Bugo	Ôta	Ôta

	Hizen	Imari	Saga
	Iki Tsushima	Nagasaki (Imari)	Nagasaki
	Higo	Yatsushiro Kumamoto	Kumamoto
	Hyuuga	Mimitsu	Miyazaki
	Ôzumi Satsuma	Miyakonojô Kagoshima	Kagoshima
Nankaidô (Shikoku)	Kii	Wakayama Watarai	Wakayama (Mie)
	Awaji Awa	Myotô	(Hyôgo) Tokushima
	Tosa	Kôchi	Kôchi
	Iyo	Uwajima Matsuyama	Ehime
	Sanuki	Kagawa	Kagawa

Những thời kỳ lịch sử đối tượng của Phần I quyển sách này:

Niên đại (dấu – có nghĩa là trước công nguyên)	Thời kỳ
-30.000 đến -10.000	Cựu thạch khí
-10.000 đến -8.000	Jômon nguyên thủy
-8.000 đến -6.000	Cổ Jômon
-6.000 đến -3.000	Tiền Jômon
-3.000 đến -2.000	Trung Jômon
-2.000 đến -1.000	Cận Jômon
-1.000 đến -500 (-300)	Cuối Jômon
-500 (-300) đến 300 / -310-710	Yayoi / Kofun
593 đến 670	Asuka
670 đến 710	Hakuhô
710 đến 974	Nara
794 đến 1.185 / 894-1.185	Heian / Fujiwara
1.185 đến 1.333	Kamakura
1.333 đến 1.392 / 1.333-1.568	Nanbokuchô / Muromachi



Nhật Bản vào thế kỷ 19

Nhật Bản có hình thể như ngày nay mới từ năm 1945 nếu không nói là từ 1972 khi Hoa Kỳ giao trả quần đảo Okinawa cho họ. Vào thế kỷ thứ 6 và thứ 7, sân khấu lịch sử cổ đại Nhật Bản chỉ diễn ra trên “đại bát châu” (Ôyashima) tức 8 vùng đất quan trọng (tám còn có nghĩa là nhiều) của Nhật Bản² mà không hề dính dáng đến “quan bát châu” (kanhasshuu)³ tức khu vực Tôkyô ngày nay, vùng Đông Bắc (Tôhoku) lẫn Hokkaidô. Đó chỉ là miền tây Honshuu, Kyuushuu, Shikoku và các hòn đảo nhỏ như Awaji, Iki và

² Đại bát châu quốc (Ôyashimakuni) là cách Kojiki (Cổ Sự Ký) gọi nước Nhật thời cổ.

³ Quan bát châu là Sagami, Musashi, Kôzuke, Shimotsuke, Kazusa, Shimosa, Awa, Hitachi tức các tỉnh Kanagawa, Chiba, Ibaraki...bây giờ. Cách gọi này chỉ có từ đời Edo.

Tsushima. Kinh đô lúc đó hoàn toàn chi phối bộ phận ngoại vi của nó. Trong khi đó, có một thời như giữa Thế chiến thứ hai, Nhật Bản được quan niệm rộng rãi hơn. Đó là quan niệm Dainihon (Đại Nhật Bản) thời quân phiệt, bao trùm cả miền nam đảo Sakhalin, bán đảo Triều Tiên lẫn đảo Đài Loan.

Người Nhật vẫn cho mình là một dân tộc thuần nhất nhưng điều đó tương đối nhiều hơn họ tưởng vì dân tộc này đã thực sự hình thành qua nhiều đợt di dân và có sự hiện diện của các nhóm dân tộc thiểu số. Nếu như đến năm 1945, lối nghĩ đó được xem là một chân lý thì ngày nay người ta đã bớt xác tín về nó. Thời cổ đại, ngoài người vùng Yamato, đã có các nhóm thiểu số Emishi (sau là Ezo) ở miền bắc, Kumaso, Hayato ở miền Nam, đó là chưa kể những đợt di dân lớn đến từ đại lục. Ngày nay, Nhật Bản hãy còn có 680.000 người gốc Triều Tiên không nhập tịch và khoảng 500.000 người Okinawa mà sự kết hợp với dân bản đảo chưa hẳn đã thông suốt hoàn toàn.



Bản đồ Nhật Bản hiện tại

TaiLieu.vn

PHẦN MỘT: TỪ THƯỢNG CỔ ĐẾN NAM BẮC TRIỀU

Chương I: Nguồn cội của văn hóa Nhật Bản.

- 1- Quần đảo Nhật Bản: Nguồn gốc người Nhật và thời văn hóa đồ đá cũ.
- 2- Văn hóa Jômon và bối cảnh xã hội.
- 3- Văn hóa Yayoi và bối cảnh xã hội.
- 4- Sự thành lập các tiểu quốc và sự xuất hiện của nữ vương Himiko nước Yamatai.
- 5- Thời đại Kofun và chính quyền Yamato.
- 6- Chính trị vương triều Yamato. Ngoại giao và văn hóa.

Chương II: Nhà nước luật lệnh thành hình và phát triển.

- 1- Chính trị triều Suiko và văn hóa Asuka.
- 2- Chế độ trung ương tập quyền thành hình. Cải cách năm Taika.
- 3- Chính trị thời các Thiên hoàng Tenmu và Jitô. Văn hóa Hakuhô.
- 4- Nhà nước luật lệnh thành lập.
- 5- Chế độ ruộng đất và thuế má của nhà nước luật lệnh.
- 6- Kinh đô Heijô và chính trị thời Nara sơ kỳ.
- 7- Thời thịnh trị dưới triều Shômu. Văn hóa Tenpyô.
- 8- Chế độ trang viên trong buổi đầu.

Chương III: Chính trị quý tộc và văn hóa quốc phong phát triển.

- 1- Chính trị và văn hóa hồi đầu thời Heian.
- 2- Họ Fujiwara đẩy lên. Thời thịnh trị năm Engi và Tenryaku.
- 3- Chính trị các Nhiếp chính và Quan bạch. Văn hóa quốc phong.
- 4- Trang viên và võ sĩ.
- 5- Chính trị viện sảnh ra đời. Chính quyền họ Taira.

Chương IV: Sự thành hình và phát triển của xã hội quân nhân.

- 1- Mạc phủ Kamakura ra đời.
- 2- Chính quyền các Chấp quyền họ Hôjô phát triển.

- 3- Sinh hoạt các võ sĩ thời Kamakura.
- 4- Giặc Nguyên Mông. Sự suy vong của Mạc phủ Kamakura.
- 5- Mạc phủ Muromachi thành hình.

(Hết Phần Một)

Tailieu.vn